

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 02 - 2022
V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Nguyễn Hải Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Hên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C (có mặt).

Tạm trú: Ấp 1, xã N, huyện U, tỉnh C.

- Bị đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/5/2021 và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện của ông H, Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị T chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1982 có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống thường xảy ra mâu thuẫn, không tôn trọng và nhường nhịn nhau, dẫn đến cãi vã nhau, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn

gắn được nên đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Tại phiên tòa ông H trình bày trong cuộc sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn nhưng do ông đi làm thuê và có quen biết với người phụ nữ khác nên ông không về nhà và ông H yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 07 người con chung là Nguyễn Văn Lâm, sinh năm 1983; Nguyễn Văn Sang, sinh năm 1984; Nguyễn Văn Đăng, sinh năm 1986; Nguyễn Văn Thệ, sinh năm 1988; Nguyễn Văn Niềm, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Diễm Hương, sinh năm 1992; Nguyễn Thị Diễm Chi, sinh năm 1994, các con đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 25/11/2021 và tại phiên tòa bà Võ Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà T và ông H chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1982, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống khoảng 03 năm nay ông H có quen người phụ nữ khác nên thường bỏ nhà đi, còn giữa vợ chồng không có xô xát, xung đột nhau, bà T yêu cầu được hàn gắn vợ chồng. Còn ông H muốn đi đâu thì đi khi trở về các con cùng nuôi dưỡng.

Về con chung: Có 07 người con chung là Nguyễn Văn Lâm, sinh năm 1983; Nguyễn Văn Sang, sinh năm 1984; Nguyễn Văn Đăng, sinh năm 1986; Nguyễn Văn Thệ, sinh năm 1988; Nguyễn Văn Niềm, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Diễm Hương, sinh năm 1992; Nguyễn Thị Diễm Chi, sinh năm 1994, các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán; Hội đồng xét xử, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình: Về hôn nhân cho ông H và bà T ly hôn; về con chung các con chung đã trưởng thành nên không xem xét; về tài sản chung không xem xét; về nợ chung không có không xem xét; Về án phí: áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà Võ Thị T, địa chỉ cư trú ấp 12, xã K, huyện U, tỉnh C, theo khoản 1 Điều 28;

điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Viện kiểm sát đề nghị về hôn nhân cho ông H và bà T ly hôn; Về con chung các con chung đã trưởng thành yêu cầu không xem xét; về tài sản chung không xem xét; về nợ chung không có không xem xét là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị T tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1982 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa ông H và bà T được công nhận và được pháp luật bảo vệ.

Trong thời gian chung sống vợ chồng, ông H và bà T cùng xác định không xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, không cự cãi, không xô xát nhau nhưng do ông H có quen biết người phụ nữ khác nên bỏ nhà đi và yêu cầu được ly hôn, còn bà T yêu cầu được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H kiên quyết ly hôn không đồng ý hàn gắn. Xét thấy, ông H không còn chung thủy và từ khi thụ lý vụ án đến nay giữa bà T và ông H không đưa ra được biện pháp thuyết phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông H kiên quyết ly hôn. Mặt khác, hiện nay giữa ông H và bà T đã ly thân nhau. Từ đó, cho thấy tình cảm giữa ông H và ông T không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H ly hôn với bà T.

[4] Về con chung: Các người con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị T cùng thống nhất tự thỏa thuận nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị T cùng thống nhất không có nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng, ông H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006320 ngày 24/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyên thu. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Võ Thị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 220; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51 ; Điều 53; Điều 56 ; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H với bà Võ Thị T.
- Về con chung: Không xem xét
- Về tài sản chung: Không xem xét.
- Về nợ chung: Không xem xét.
- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và ông H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006320 ngày 24/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu..

+ Bà Võ Thị T không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thanh Nguyễn

